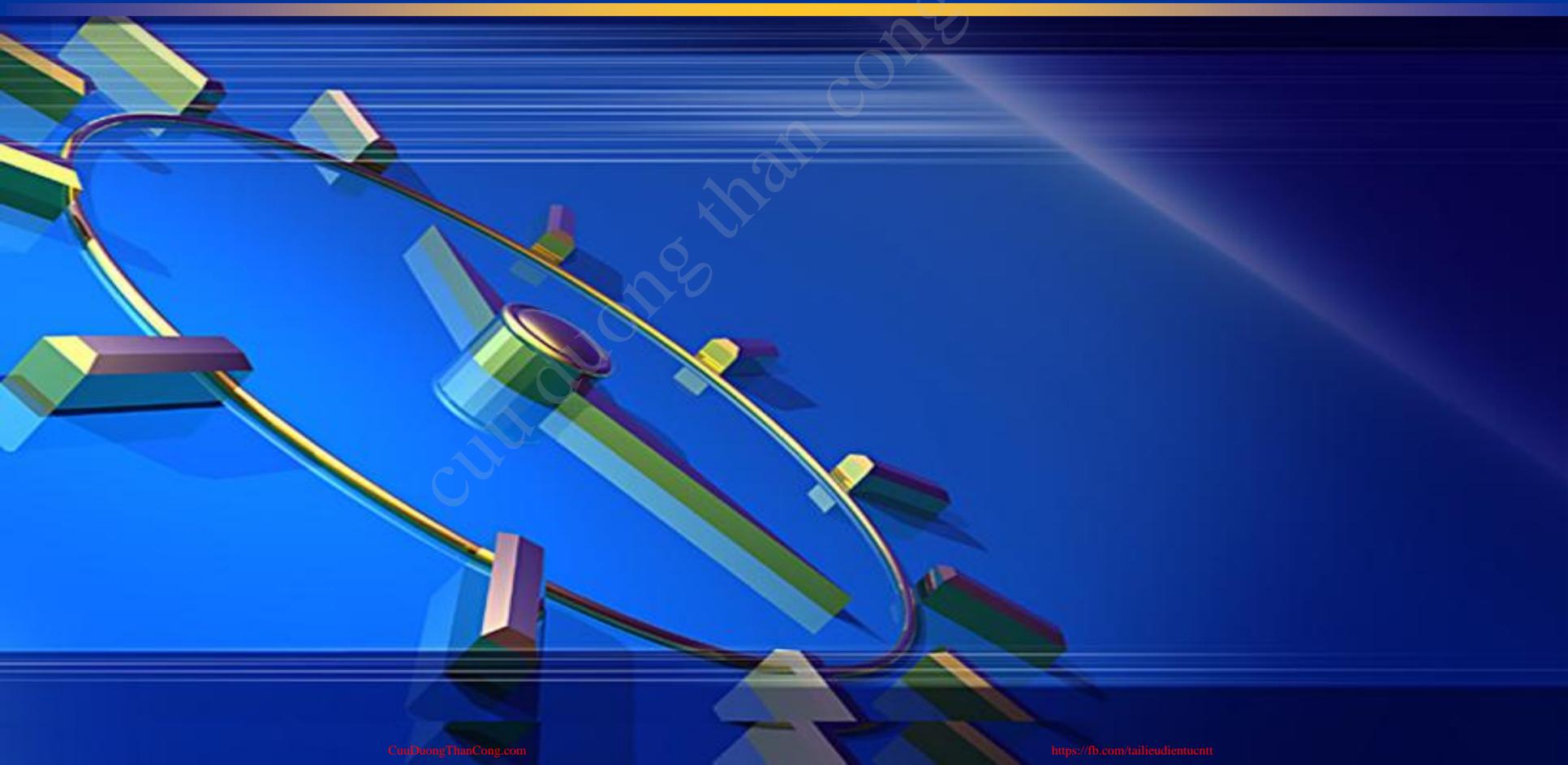


LOGO

KINH TẾ CÁC NƯỚC ASEAN



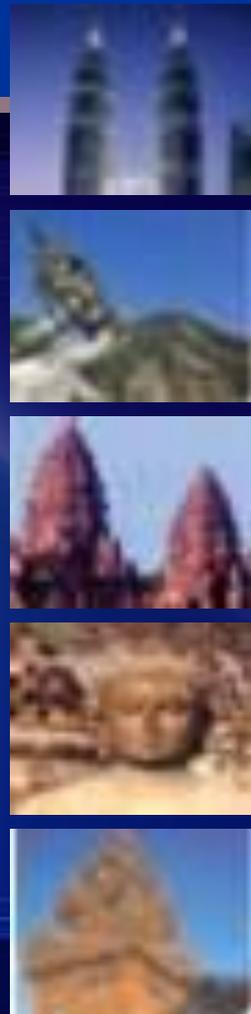
NỘI DUNG BÀI CẦN NẮM

- ❖ **1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN.**
- ❖ **2. KHU VỰC MẬT DỊCH TỰ DO ASEANS**
- ❖ **3. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC KINH TẾ CỦA ASEANS[CEPT]**
- ❖ **4. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG LỢI CEPT.**
- ❖ **5 CỘNG ĐỒNG ASEANS 2015.**
- ❖ **6. LIÊN KẾT ASEANS VỚI CÁC NƯỚC KHÁC**
- ❖ **7. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

LOGO



BẢN ĐỒ CÁC NƯỚC KHỐI ASEAN





HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá-xã hội giữa các nước thành viên

**Tuyên bố Bangkok
(8/8/1967): tuyên bố
thành lập ASEAN**



Tạo điều kiện cho các nước hội nhập sâu hơn với khu vực và thế giới

Tăng cường sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau cũng như thúc đẩy hoà bình, ổn định trong khu vực.



8/1/1984

28/7/1995

23/7/1997

30/4/1999

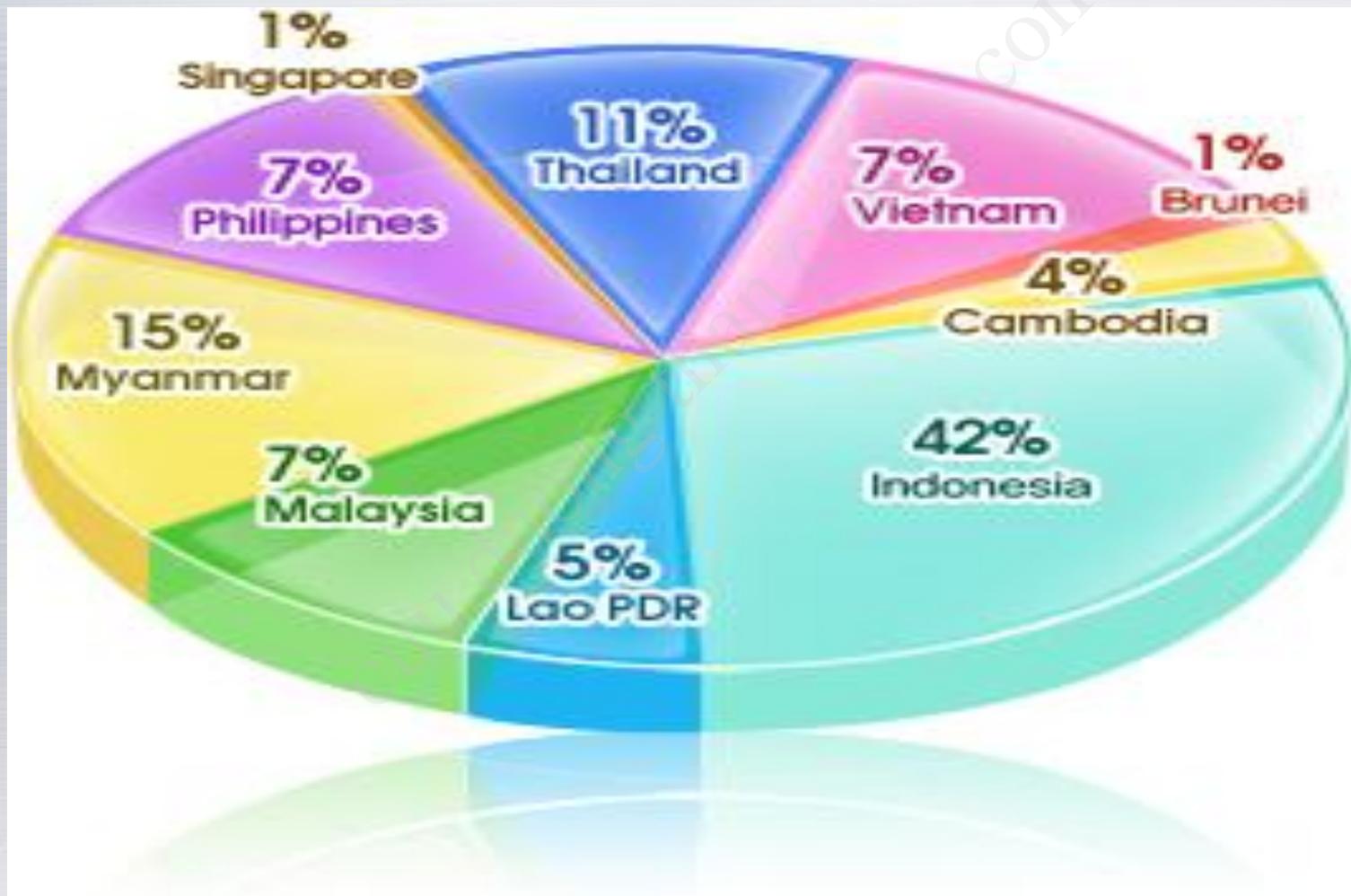


DIỆN TÍCH LÃNH THỔ-2010



Countries	DIỆN TÍCH LÃNH THỔ [1,000 KM2]
ASEAN	4,436
1.Brunei Darussalam	6
2.Cambodia	181
3.Indonesia	1,860
4.Lao PDR	237
5.Malaysia	330
6.Myanmar	677
7.Philippines	300
8.Singapore	0.7
9.Thailand	513
10Vietnam	331

TỶ TRỌNG DIỆN TÍCH CÁC NƯỚC TRONG KHỐI-2010



VỀ DÂN SỐ ASEAN



Các nước	TRIỆU DÂN (2010)	TỶ TRỌNG(%)
ASEAN	599.6	100
1.Brunei Darussalam	0.4	0.1
2.Cambodia	14.3	2.4
3.Indonesia	237.6	39.6
4.Lao PDR	6.4	1.1
5.Malaysia	28.3	4.7
6.Myanmar	61.2	10.2
7.Philippines	94.0	15.7
8.Singapore	5.2	0.9
9.Thailand	63.9	10.7
10.Vietnam	88.3	14.7

Tỷ trọng về dân số ASEANS



Sự hình thành và phát triển ASEAN

Khái quát

- ❖ **Asean gồm 10 nước:** Việt Nam, Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippines, Brunei, Mianma, Thái Lan và Singapore.
- ❖ ***Papua Tân Guinea:** quan sát viên của ASEAN.
- ❖ ***Đông Timo:** ứng cử viên của ASEAN.

Diện tích: 4.436.000 km², chiếm 14,1% lãnh thổ Châu Á, 3,3% diện tích Thế giới

Dân số: 601 triệu người (2012), chiếm 14,1% dân số Châu Á; 8,6% dân số thế giới

Sự hình thành và phát triển ASEAN

Quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Thành lập ngày 08/08/1967 bởi tuyên bố Băng-cốc, gồm 5 nước: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan.
- ❖ 1984 Brunei gia nhập
- ❖ 28/07/1995 Việt Nam là thành viên thứ 7
- ❖ 23/07/1997 kết nạp Lào, Mianma
- ❖ 30/04/1999 Campuchia gia nhập.
- ❖ Hiện nay 9.2013 ASEANs có 10 nước thành viên chính thức và
 - ❖ *Papua Tân Guinea: quan sát viên của ASEAN.
 - ❖ *Đông Timo: ứng cử viên của ASEAN.

ASEANs và các nước tham gia

- Thành viên đầy đủ ASEAN
- Quan sát viên ASEAN
- Ứng cử viên ASEAN
- ASEAN + 3
- Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á
- Diễn đàn Khu vực ASEAN



Sự hình thành và phát triển ASEAN

Mục tiêu của Asean

- ❖ Hoà bình hợp tác và thịnh vượng chung
- ❖ Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực
- ❖ Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc cam kết tôn trọng công lý và pháp quyền trong quan hệ giữa các nước trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương LHQ.

Sự hình thành và phát triển ASEAN

Cơ cấu tổ chức

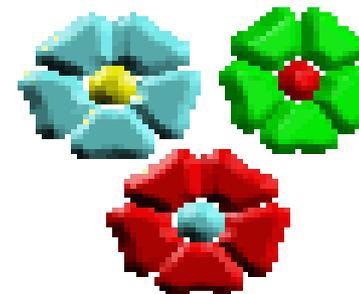
- ❖ Hội nghị cấp cao Asean
- ❖ Hội nghị các bộ trưởng Asean
- ❖ Hội nghị liên bộ trưởng
- ❖ Tổng thư ký Asean
- ❖ Ủy ban thường trực Asean
- ❖ Các cuộc họp các quan chức cao cấp
- ❖ Các cuộc họp tư vấn chung
- ❖ Các cuộc họp của Asean
- ❖ Ban thư ký Asean quốc gia
- ❖ Ủy ban Asean ở các nước thứ ba

Các phiên Hội nghị cấp cao ASEAN

	Date	Host member	Location
1st	23–24 February 1976	 Indonesia	Bali, Indonesia
2nd	4–5 August 1977	 Malaysia	Kuala Lumpur, Malaysia
3rd	14–15 December 1987	 Philippines	Manila, Philippines
4th	27–29 January 1992	 Singapore	Singapore
5th	14–15 December 1995	 Thailand	Bangkok, Thailand
6th	15–16 December 1998	 Vietnam	Hanoi, Vietnam 
7th	5–6 November 2001	 Brunei	Bandar Seri Begawan, Brunei
8th	4–5 November 2002	 Cambodia	Phnom Penh, Cambodia
9th	7–8 October 2003	 Indonesia	Bali, Indonesia
10th	29–30 November 2004	 Laos	Vientiane, Laos
11th	12–14 December 2005	 Malaysia	Kuala Lumpur, Malaysia
12th	11–14 January 2007	 Philippines	Cebu City, Philippines
13th	18–22 November 2007	 Singapore	Singapore

Các phiên Hội nghị cấp cao ASEAN

14th	27 February - 1 March 1 2009 April 10–11 2009	 Thailand	Cha Am, Hua Hin Pattaya
15th	23 October 2009	 Thailand	Cha Am, Hua Hin
16th	8–9 April 2010	 Vietnam	Hanoi, Vietnam
17th	28–31 October 2010	 Vietnam	Hanoi, Vietnam
18th	7–8 May 2011	 Indonesia	Jakarta, Indonesia
19th	17-19 November 2011	 Indonesia	Bali, Indonesia
20th	3-4 April 2012	 Cambodia	Phnom Penh, Cambodia
21st	18-20 November 2012	 Cambodia	Phnom Penh, Cambodia
22nd	24-25 April 2013	 Brunei	Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam ^[8]



Năm 1976
Tuyên bố
Bali I

Hiệp ước thân
thiện và hợp
tác Đông Nam
Á (TAC)

Hợp tác vì hòa bình,
an ninh chung của khu
vực, giải quyết xung
đột, tranh chấp bằng
đàm phán hòa bình

Năm
1992

Hiệp định khung về
chương trình ưu đãi
thuế quan có hiệu lực
chung cho Khu vực
mậu dịch tự do ASEAN
(CEPT/AFTA)

Tuyên bố về Biển
Đông xác lập nguyên tắc
giải quyết các mâu thuẫn
bằng biện pháp hòa bình.

Sự hình thành và phát triển ASEAN

Nguyên tắc hoạt động chính của ASEAN

- ❖ Nguyên tắc làm nền tảng cho quan hệ giữa các quốc gia thành viên với bên ngoài
- ❖ Nguyên tắc điều phối hoạt động của hiệp hội
- ❖ Nguyên tắc khác

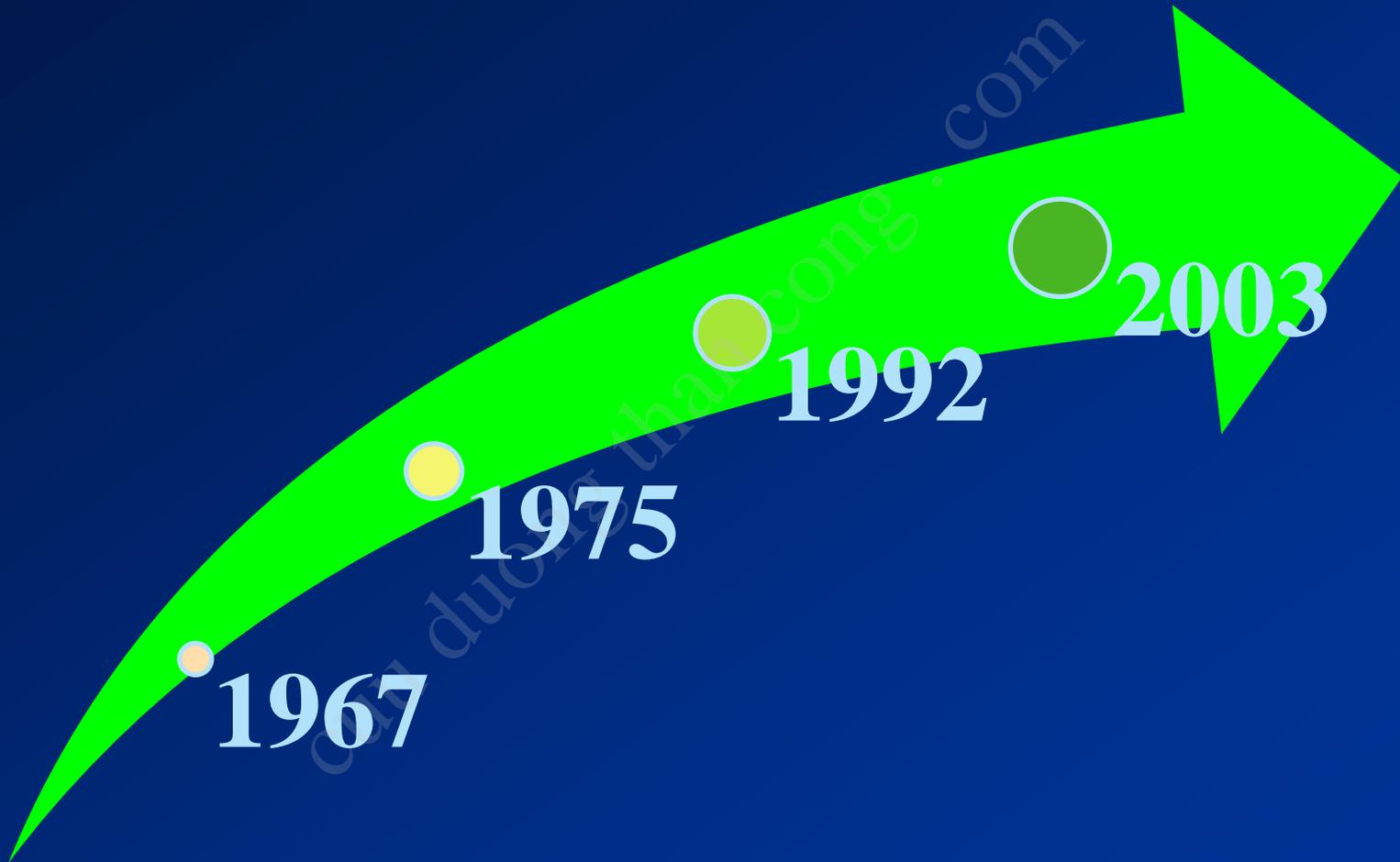


KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO (AFTA)

KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO AFTA

- ❖ Mục tiêu của AFTA
- ❖ Các chương trình hợp tác kinh tế của AFTA

2. Các chương trình hợp tác về kinh tế của ASEAN



Mục tiêu của AFTA

- ◆ **Đẩy mạnh quan hệ giao thương mua bán trong khu vực**
- ◆ **Tăng khả năng cạnh tranh của ASEAN**
- ◆ **Thu hút vốn FDI**
- ◆ **Thúc đẩy phát triển kinh tế của các nước thành viên**

Các chương trình hợp tác kinh tế của AFTA

- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực thương mại
- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực hải quan
- ❖ Hợp tác trong công nghiệp
- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực nông lâm, ngư nghiệp và lương thực
- ❖ Hợp tác về đầu tư
- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ
- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực khoáng sản và năng lượng
- ❖ Hợp tác trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng
- ❖ Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Hợp tác trong lĩnh vực thương mại

- Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT)
- Chương trình hợp tác hàng hóa
- Thành lập ngân hàng dữ liệu ADBC
- Hội chợ thương mại ASEAN

Hợp tác trong lĩnh vực hải quan

- **Thống nhất phương pháp định giá tính thuế**
- **Thống nhất các thủ tục hải quan**
- **Thống nhất danh mục biểu thuế quan**

Hợp tác trong công nghiệp

- **Các dự án CN ASEAN (1976)**
- **Các liên doanh công nghiệp ASEAN(1/1983)**
- **Chương trình hợp tác CN ký tại Singapore (27/4/1996)**

Hợp tác trong lĩnh vực nông lâm, ngư nghiệp và lương thực

Hợp tác về cây trồng, chăn nuôi.

- ❖ Hợp tác về đào tạo, khuyến nông
- ❖ Hợp tác về thủy sản
- ❖ Hợp tác về lương thực

Hợp tác về đầu tư

- ❖ Chương trình hợp tác về thuận lợi hóa
- ❖ Chương trình xúc tiến và nhận thức
- ❖ Chương trình tự do hóa

Hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ

- ❖ **Đẩy mạnh hợp tác giữa các nước thành viên**
- ❖ **Xóa bỏ các rào cản thương mại dịch vụ**
- ❖ **Thực hiện tự do hóa thương mại dịch vụ**

Hợp tác trong lĩnh vực khoáng sản và năng lượng

Các nước ASEAN đã đưa ra khuôn khổ hợp tác và chương trình hành động trong lĩnh vực khoáng sản như trao đổi thông tin về chính sách, luật pháp để thu hút đầu tư, hợp tác trong việc lập kế hoạch phát triển, đào tạo nguồn nhân lực và khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế.

Hợp tác trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng

- ❖ Hoàn thiện hệ thống tài chính, ngân hàng, thuế, kiểm toán và bảo hiểm
- ❖ Thỏa thuận thành công giữa các ngân hàng Trung ương và các cơ quan tiền tệ ASEAN nhằm cung cấp các khoản tín dụng ngắn hạn cho các nước thành viên
- ❖ Dự kiến xây dựng một đồng tiền chung

Hợp tác trong các lĩnh vực khác

- ❖ **Giao thông vận tải và thông tin liên lạc**
- ❖ **Du lịch**
- ❖ **Sở hữu trí tuệ**
- ❖ **Hợp tác về khoa học và công nghệ**
- ❖ **Hợp tác về môi trường**



CHƯƠNG TRÌNH CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỐ HIỆU LỰC CHUNG (CEPT)

CHƯƠNG TRÌNH CẮT GIẢM THUẾ QUAN (CEPT)

- ❖ Nội dung chương trình CEPT
- ❖ Điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu
- ❖ Hàng rào phi thuế quan

Nội dung chương trình CEPT

1

**Danh mục
giảm thuế
nhập khẩu**

IL

2

**Danh mục
tạm thời chưa
cắt giảm**

TEL

3

**Danh mục sản
phẩm loại trừ
hoàn toàn**

GEL

4

**Danh mục
nông sản chưa
chế biến**

SL

Điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu

- ❖ Sản phẩm thuộc IL của nước xuất khẩu và nhập khẩu
- ❖ Sản phẩm phải có chương trình giảm thuế được Hội đồng AFTA thông qua.
- ❖ Sản phẩm đạt yêu cầu tối thiểu 40% hàm lượng Asean (có C/O Form D)
- ❖ Sản phẩm phải được vận chuyển thẳng

Hàng rào phi thuế quan

- ❖ Loại bỏ lượng nhập và hàng rào phi thuế quan trong 5 năm từ khi sản phẩm được ưu đãi.
- ❖ Ưu tiên cho các sản phẩm thuộc CEPT
- ❖ Thống nhất tiêu chuẩn, công khai chính sách và thừa nhận của nhau.
- ❖ Trường hợp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền sản xuất trong nước, có thể dùng các biện pháp phòng ngừa.

Tiến trình thực hiện CEPT của Việt Nam

- ❖ Thời gian thực hiện
- ❖ Nguyên tắc xây dựng chương trình CEPT
- ❖ Tiến trình triển khai thực hiện CEPT của Việt Nam

Thời gian thực hiện

- ❖ Bắt đầu 01/01/1996 và kết thúc 01/01/2006
- ❖ Công bố các danh mục thực hiện (IL, TEL, GEL, SL) trong 10 năm

Nguyên tắc xây dựng chương trình CEPT

- ❖ Đảm bảo ảnh hưởng không lớn đến ngân sách
- ❖ Bảo hộ hợp lý nền sản xuất nội địa
- ❖ Thúc đẩy quan hệ hợp tác, chuyển giao công nghệ
- ❖ Tận dụng ưu đãi, mở rộng thị trường và thu hút vốn đầu tư

Tiến trình thực hiện CEPT của Việt Nam

**Việt Nam đã thực hiện xong
xong chương trình CEPT
vào ngày 01/01/2006.**

Sự tham gia của các nước ASEANs vào các khu vực mậu dịch tự do FTA

Nước	Số FTA tham gia	Đã có hiệu lực
1.Singapore	34	18
2. Thailand	24	11
3. Malaysia	19	8
4. Indônexia	16	7
5.philippine	12	7

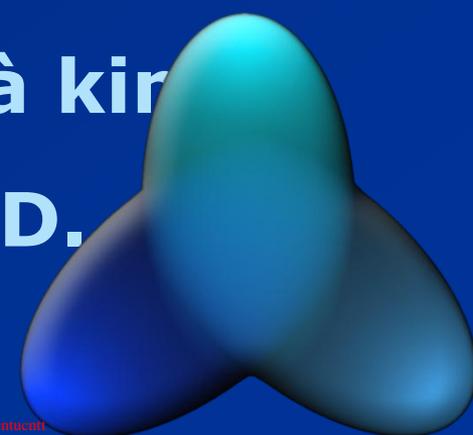
6. Việt nam	14	7
7. Brunei	13	8
8. Lào	11	8
9. Campuchia	9	6
10. Mianma	10	6

khu vực mậu dịch tự do ASEANs-trung quốc

Bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày
1/1/2010.

Là khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế
giới CAFTA có gần **1,9 tỷ** người tiêu
dùng

GDP :lên tới 5,9 nghìn tỷ USD và kim
ngạch XK đạt 1,6 nghìn tỷ USD.



CAFTA

1/1/2010 :Trung Quốc, Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Singapore sẽ áp **mức thuế suất bằng không** đối với hơn 7.000 nhóm hàng hóa.

Tới năm 2015, các thành viên mới của ASEAN là Việt Nam, Lào, Cambodia và Myanmar **mới chính thức** tuân thủ quy định này.

Chương trình thu hoạch sớm EHP (Early Harvest Program)

Chương trình cắt giảm thuế quan giữa ASEAN và Trung Quốc đối với hàng nông sản.

Với Chương trình **EHP**, Trung Quốc và các nước ASEAN – 6 sẽ giảm thuế nhập khẩu nông sản từ ngày 01/01/2004 và **kết thúc vào ngày 01/01/2006 xuống còn 0%**.

Chương trình thu hoạch sớm EHP (Early Harvest Program)

Việt Nam và Trung Quốc sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu tương tự đến thời hạn **01/01/2008** (cắt giảm thuế nhập khẩu mang tính có đi có lại). Ngược lại, Trung Quốc sẽ cắt giảm **206 dòng** thuế nhập khẩu từ Việt Nam xuống còn 0% trước ngày **01/01/2006**.

Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN -Úc - Niu-di-lân (Hiệp định AANZFTA)

Ngày 27 tháng 2 năm 2009, tại Thái Lan, Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN và CER (Úc và Niu-di-lân) đã ký kết Hiệp định thành lập **Khu vực Thương mại tự do ASEAN -Úc - Niu-di-lân**

Hiệp định AANZFTA có hiệu lực từ ngày 1/1/2010

Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN -Úc - Niu-di-lân (Hiệp định AANZFTA)

Hiệp định gồm 8 chương **VÀ** các phụ lục nêu lịch trình cam kết cụ thể, **Hiệp định AANZFTA** bao quát các lĩnh vực như **thương mại hàng hoá, dịch vụ (dịch vụ tài chính và viễn thông)**; thương mại điện tử; **di chuyển của thể nhân**, đầu tư, cơ chế giải quyết tranh chấp .Ngoài ra, AANZFTA còn đề cập : các biện pháp kiểm dịch động thực vật, **tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật** và thủ tục đánh giá sự phù hợp, sở hữu trí tuệ và cạnh tranh

Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu-di-lân (Hiệp định AANZFTA)

Theo hiệp định, **đến năm 2018**, ASEAN – Australia – New Zealand cùng cam kết xóa bỏ thuế quan **với ít nhất hơn 90% số dòng thuế**. Phần lớn **các dịch vụ và đầu tư sẽ được mở cửa** cho các bên tham gia

Ngay từ tháng 1 năm 2010 có **563 dòng thuế** được áp dụng ở mức **0%**.

ASEAN-Korea Free Trade Agreement.

Từ tháng 1 năm 2010 AKFTA sẽ thực hiện **giảm 99,65 %** dòng thuế quan , trong đó tỷ lệ **ít nhất 80%** các sản phẩm **có mức thuế bằng 0%** với các nước ASEANs -6 ;

Với các nước thành viên còn lại : **Việt nam, Lào, Căm-pu-chia, mianma** thực hiện cắt giảm thuế vào năm 2015

ASEAN-Korea Free Trade Agreement.

- . **Năm 2008** thương mại giữa Hàn quốc và **ASEANs 90,2 tỷ USD** (năm 2004 trị giá thương mại 2 chiều chỉ đạt 46,4 tỷ USD); **năm 2008 ASEANs** chiếm 23,4 % trị giá XNK của Hàn quốc và trở thành **đối tác lớn thứ 3** của Quốc gia này.



**Khu vực mậu dịch tự do
ASEANs-Ấn độ**

**The ASEAN-India Free
Trade Area (AIFTA)**

Khu vực mậu dịch tự do ASEANs-Ấn độ

AIFTA đã được ký kết ngày 8 tháng 10 năm 2003 tại Bali của Indônexia và có hiệu lực **thực thi từ tháng 1 năm 2010**

Năm 2008 thương mại hai chiều giữa ASEANs và Ấn độ lên tới trên **47,4 tỷ USD**. **ASEANs trở thành đối tác thương mại lớn thứ 4** của Ấn độ sau Hoa kỳ , EU và Trung quốc.

Khu vực mậu dịch tự do ASEANs-Ấn độ

AIFTA có hiệu lực thực thi có tới **8000 danh mục hàng hóa (chiếm 80 %)** tổng danh mục hàng hóa thương mại 2 chiều được cắt giảm thuế. **Từ năm 2013 đến 2016** các mặt hàng kể trên đạt thuế nhập khẩu **bằng 0.**

Khu vực mậu dịch tự do ASEANs- Ấn độ

Cũng tương tự như các khu vực
mậu dịch kể trên Các nước
ASEANs-6 sẽ bắt đầu sớm
quá trình cắt giảm, còn các
nước **ASEANs -4** sẽ muộn hơn
khoảng 5 năm.

**Đôi tác kinh tế toàn diện ASEANs-
Nhật bản-**

**ASEAN–Japan Comprehensive
Economic Partnership
(AJCEP)**

Ký ngày 14/04/2008.

AJCEP

Có hiệu lực từ ngày 1/01/2010, theo AJCEP VN cam kết bỏ thuế quan đối với **82 %** giá trị nhập khẩu từ Nhật bản **trong vòng 16 năm**, và **69 %** giá trị nhập khẩu trong vòng **10**,

Còn Nhật bản đã cắt giảm ngay 7287 dòng thuế nhập khẩu ,khi VN đưa hàng vào Nhật bản , **trong đó có 800 danh mục mặt hàng nông sản thủy sản** của Việt nam đưa vào Nhật bản có mức thuế suất **NK bằng 0** .

AJFTA-khu vực mậu dịch tự do ASEANs-Nhật bản

Trước đó, Ngày 1/01/2008 hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa các nước ASEANs và Nhật bản có hiệu lực. Bốn nước đầu tiên : **Singapore, Việt nam, Lào, Mianma** đã hoàn thành xong cơ sở pháp lý để thực hiện FTA

Các thành viên còn lại đang kết thúc thủ tục trong nước để thực hiện FTA với Nhật

ASEANS với các nước

Ngoài các đối tác kể trên ASEANs cũng ký hàng loạt các hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực với các đối tác Hoa Kỳ, Nga, Canada... Ngoài ra, ở Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tháng 11/2004, các nước dự kiến thành lập Cộng đồng Kinh tế Châu Á gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Ấn Độ sau 2020.

4. Cộng đồng ASEAN

Dự kiến ra đời vào năm 2015

Tiến tới các nước sẽ mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, đầu tư

Xóa bỏ các rào cản trong hoạt động thương mại

Cộng đồng ASEANs

Để đưa hiệp hội các nước Đông Nam châu Á thành cộng đồng Aseans vào năm 2015, các nước thực hiện thông qua ba trụ cột quan trọng :

1. Cộng đồng kinh tế Aseans (AEC)
2. Cộng đồng An ninh ASEAN
3. Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN



Cộng đồng kinh tế
ASEAN – AEC (
Asean Economic
Community)

Cộng đồng kinh tế ASEAN – AEC (Asean Economic Community

Dự kiến thành lập vào năm 2015,
tiến tới các nước ASEAN sẽ

- ❖ **Xây dựng** một thị trường chung duy nhất,
- ❖ **Các rào cản** thuế quan và phi thuế quan sẽ được dỡ bỏ **trong hoạt động** TM hàng hóa và dịch vụ giữa các nước thành viên

Cộng đồng kinh tế ASEANs

- ❖ **Thực hiện tự do** lưu chuyển hàng hoá;
- ❖ **Tự do** lưu chuyển dịch vụ;
- ❖ **Tự do** lưu chuyển đầu tư;
- ❖ **Tự do** hơn trong lưu chuyển vốn;
- ❖ **Tự do** lưu chuyển lao động có tay nghề;

Cộng đồng kinh tế ASEANs

Những lĩnh vực ưu tiên được xác định lộ trình liên kết đến năm 2010:

- ❖ **Hàng nông sản;**
- ❖ **Ô tô;** hàng điện tử;
- ❖ **Nghề cá;** các sản phẩm cao su;
- ❖ **Dệt may;** các sản phẩm gỗ; vận tải hàng không;
- ❖ **Thương mại** điện tử ASEAN;
- ❖ **Chăm sóc** sức khỏe; du lịch; dịch vụ hậu cần.

AEC ra đời trên cơ sở tổ chức thực hiện

- ❖ **Hiệp định** Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA);
- ❖ **Hiệp định** Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS),
- ❖ **Khu vực** Đầu tư ASEAN (AIA);
- ❖ **Hiệp định** Khung về Hợp tác Công nghiệp ASEAN (AICO);
- ❖ **Lộ trình Hội nhập** Tài chính và Tiền tệ ASEAN, v.v....,

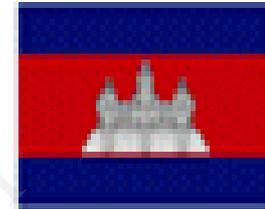
Xây dựng cộng đồng ASEANs trên cơ sở

- ❖ **Nâng cao** những cơ chế liên kết kinh tế hiện có của ASEAN .
- ❖ **Bổ sung thêm** hai nội dung mới là tự do di chuyển lao động và di chuyển vốn tự do hơn.

Hội đồng AEC họp tại VN 7/4/2010

Rà soát, đánh giá việc thực hiện KH
Tổng thể về Xây dựng cộng đồng Kinh
tế ASEAN dựa trên **4 trụ cột sau:**

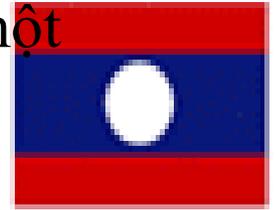
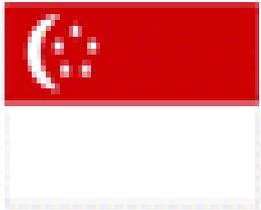
- ❖ **Xây dựng** một thị trường và cơ sở sản xuất đồng nhất;
- ❖ **Xây dựng** Một khu vực kinh tế có tính cạnh tranh cao;
- ❖ **Có trình độ** phát triển đồng đều
- ❖ **Hội nhập** hoàn toàn với nền kinh tế thế giới vào năm 2015.



Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC)

Mục đích:

- Đưa hợp tác chính trị và an ninh của ASEAN lên bình diện cao hơn
- Đảm bảo rằng các thành viên ASEAN được sống trong hoà bình với nhau và với thế giới trong một môi trường chính nghĩa, dân chủ và hài hoà.



An ninh toàn
diện, đồng
thuận, không
can thiệp
vào công
việc nội bộ

Tôn trọng chủ
quyền quốc
gia, không sử
dụng hay đe
dọa sử dụng
vũ lực để giải
quyết tranh
chấp

Không phải
là một chính
sách đối
ngoại chung.

Nguyên tắc của ASC

Không cho phép
dùng lãnh thổ
một nước tiến
hành hoạt động
chống bất kỳ
thành viên nào

Không tiến
tới thành lập
khối quân sự
hay liên
minh quân
sự

Cộng đồng văn hoá – xã hội ASEAN (ASCC)

Mục tiêu: xây dựng ASEAN thành "**Cộng đồng các xã hội
đùm bọc lẫn nhau**" như đã được đề ra trong tầm nhìn
ASEAN 2015.





Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN (ASCC)

- Đẩy nhanh sự hợp tác của khu vực về các vấn đề xã hội và nâng cao đời sống của cư dân nông thôn.
- Thúc đẩy sự tham gia tích cực của tất cả các tầng lớp xã hội, bao gồm phụ nữ, thanh niên và các nhóm cộng đồng.
- Tăng cường khả năng hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề liên quan tới mức tăng trưởng dân số, phát triển giáo dục.
- Giải quyết tình trạng thất nghiệp, ngăn ngừa các loại dịch bệnh truyền nhiễm như HIV/AIDS, tình trạng suy thoái môi trường và ô nhiễm xuyên biên giới...



Cộng đồng văn hoá-xã hội

ASEAN (ASCC)

Về vấn đề nguồn nhân lực :

- + **Xây dựng** các chuẩn mực chung về đào tạo nhân lực
- + **Tăng cường** hợp tác giáo dục và đào tạo
- + **Tiến tới** mở cửa thị trường lao động có tay nghề

❖ Hình dung cộng đồng ASEANs sau năm 2015 thế nào ?





So sánh với EU



Khối	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Năm khởi đầu	GDP (Tỷ USD)	GDP/Người (USD)	Số thành viên
EU	4.324.728	503.824.373	1957	17.690,00	35.111	27
ASEAN	4.325.675	620.537.759	1961	2.113,911	3.406,6	10

❖ (*) Gross Domestic Product: Tổng sản phẩm nội địa

Thực hiện đồng tiền chung ACU vẫn chưa thống nhất và hình thành

Chưa hình thành khái niệm Hiến pháp chung, Quốc hội chung

Hạn chế của ASEAN:

Sự tranh chấp quyền lợi biên giới giữa các quốc gia thành viên. Việc đi lại giữa các công dân ASEAN chưa hoàn toàn tự do và không giới hạn

Còn khác nhau lớn trong thu nhập kinh tế, quan điểm và trình độ dân trí, nhân quyền, dân chủ, tội phạm, sắc tộc, tôn giáo, y tế, xã hội, năng lượng, môi trường ...

Vài nét về kinh tế của các nước thành viên ASEANs



Tình hình GDP của các nước ASEANs

2013

Nước	Tổng GDP (Tỷ USD)	GDP/ng (USD/ng)
1. Singgapore	278,4	62.400
2. Thailand	400,9	9.900
3. Malaysia	312,4	17.500
4. Indônexia	867,5	5.200
5. philippine	272,2	4.700

Tình hình GDP của các nước ASEANS 2013

6. Brunei	16,56	54.800
7. Việt nam	170	4.000
8. Lào	10,1	3.100
9. Campuchia	15,64	2.600
10. Mianma	59,43	1.700

Tên nước	Diện tích lãnh thổ (km ²)	Dân số (Triệu người)	Kim ngạch XK		Kim ngạch NK	
			Trị giá (Tỷ USD)	Thứ hạng TG	Giá trị (Tỷ USD)	Thứ hạng TG
1. Singapore	710	5,194	352	14	311	15
2. Malaysia	328.657	29,18	199	23	165	25
3. Thailand	513.120	67,091	195	25	182	22
4. Indonexia	1.904.569	248,216	158	27	132	29
5. Viet nam	331.210	90,549.390	72	39	85	35
6 Philippine	300.000	103,775.002	50,68	59	58	47
7. Brunei	5.765	0,408.786	8,25	94	2,055	92
8. Campuchia	181.035	14,952.665	5,068	112	6,783	111
9. Laoc	236.800	6,586.266	1,474	143	2,06	151
10 . Mianma	676.578	54,584.650	8,586	98	4.224	125
ASEANs		620,537.75				

Tên nước	GDP (Tỷ USD)	GDP - USD/Người	Kim ngạch XK		Kim ngạch NK	
			Trị giá (Tỷ USD)	XK dịch vụ	Giá trị (Tỷ USD)	NK dịch vụ
1. Singapore	259,8	50.019,25	409,2	14	36,55	60
2. Malaysia	247,6	8.485,26	212,7	26	168	29
3. Thailand	345,6	5.151,2	244,4	25	214,6	23
4. Indonexia	834,3	3.361,18	208,9	27	172,1	28
5. Viet nam	123,611	1.343,04	96,3	40	105,3	32
6 Philippine	216,1	2.082,39	54,17	58	68,84	47
7. Brunei	15,6	38.161,78	10,67	93	2,61	93
8. Campuchia	13,2	882,79	5,35	113	6,963	112
9. Laoc	7,9	1.199,46	1,842	142	2,37	154
10 . Mianma	50,2	919,67	9,543	97	5,498	119
ASEANs	2113,911	3.406,58	1.253,075			
World	70.160	9.991,69	18.000		17.580	

Kim ngạch XNK với các nước ASEAN

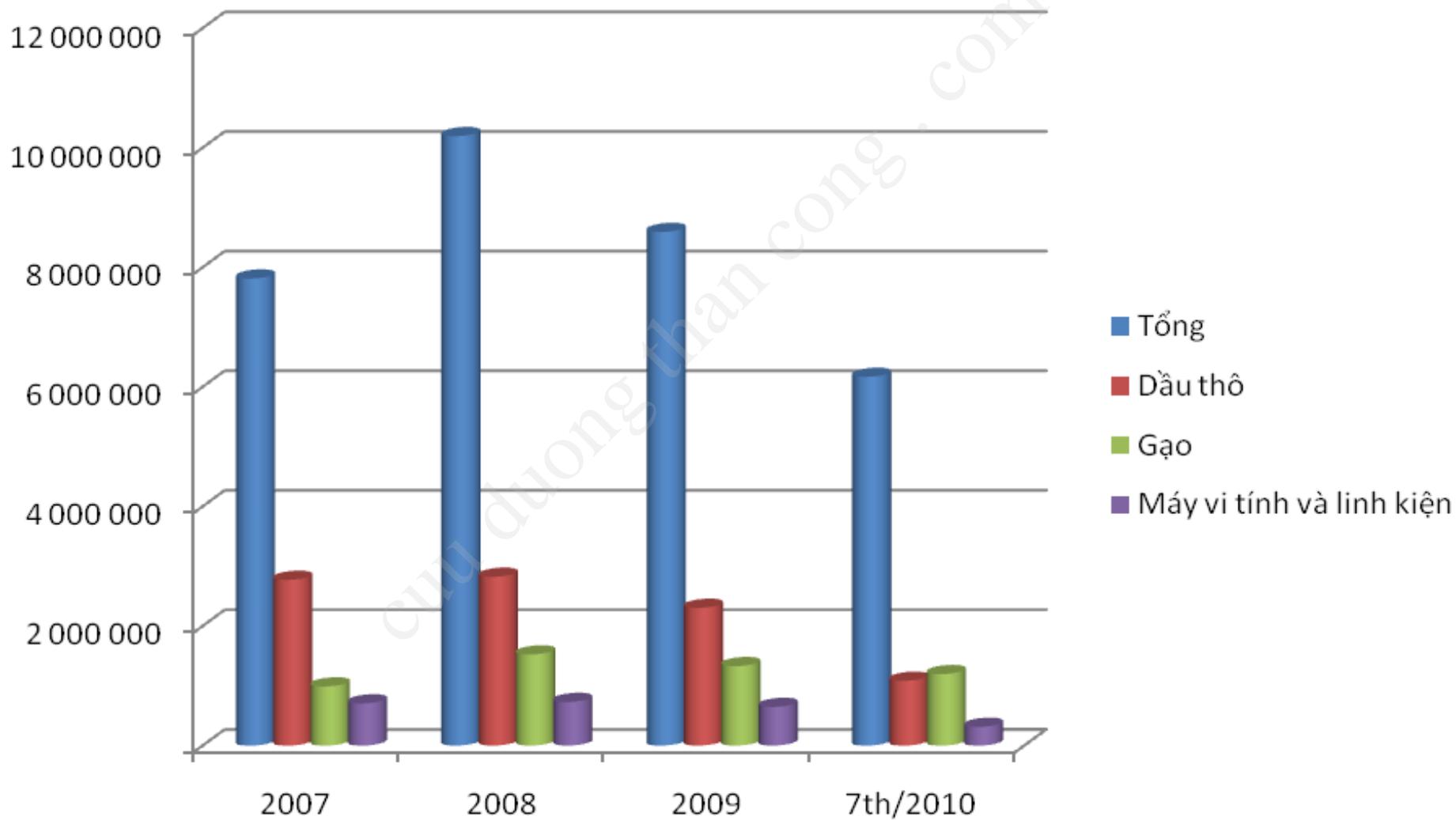
Năm	Xuất khẩu sang ASEAN		Nhập khẩu từ ASEAN		Cán cân thương mại
	Kim ngạch- Triệu USD	% tăng giảm	Kim ngạch- Triệu USD	% tăng giảm	% tăng giảm
2004	4.056,1	137.34	7.768,5	130,58	-3.712,4
2005	5.743,1	141.59	9.326,3	120,05	-3.583,2
2006	6.632,6	115.49	12.546,6	134,53	-5.914
2007	7.800	117.60	15.908,2	126,79	-8.108,2
2008	10 .195	130.70	19. 571	123,02	-9.376,1
2009	8.761,3	85,94	16.461,3	84,11	-7.700
2010	10.350,9	118,13	16.407,5	99,67	-6.056,6
2011	13.583,3	131,21	20.910,2	127,44	-7.326,9

Tên nước	GDP (Tỷ USD)	Dân số Triệu người	GDP - USD/Người	Kim ngạch XK	
				Trị giá (Tỷ USD)	
1. Singapore	259,8	5,2	50.019,25	409,2	
2. Brunei	15,6	0,4	38.161,78	10,67	
3. Malaysia	247,6	28,3	8.485,26	212,7	
4. Thailand	345,6	63,9	5.151,2	244,4	
5. Indonesia	834,3	237,6	3.361,18	171,2	
6. Philippine	216,1	94	2.082,39	54,17	
7. Viet nam	123,611	88,3	1.343,04	96,3	
8. Campuchia	13,2	14,3	882,79	5,35	
9. Laoc	7,9	6,4	1.199,46	1,842	
10. Mianma	50,2	61,2	919,67	9,543	

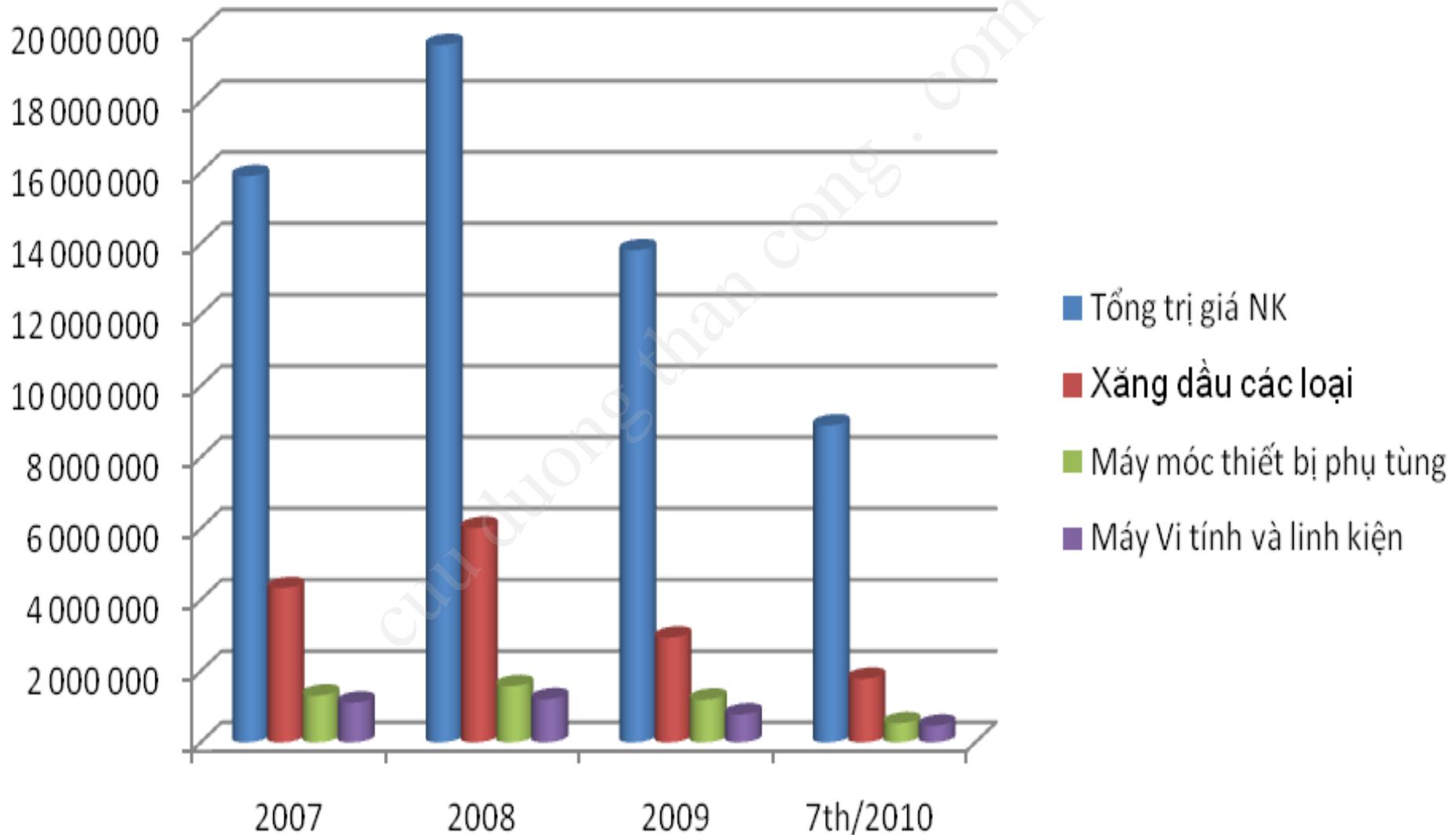
VỀ DÂN SỐ ASEANS

Các nước	TRIỆU DÂN (2010)	TỶ TRỌNG(%)
ASEAN	599.6	100
1.Brunei Darussalam	0.4	0.1
2.Cambodia	14.3	2.4
3.Indonesia	237.6	39.6
4.Lao PDR	6.4	1.1
5.Malaysia	28.3	4.7
6.Myanmar	61.2	10.2
7.Philippines	94.0	15.7
8.Singapore	5.2	0.9

Mặt hàng XK chủ yếu của VN sang ASEANs



Mặt hàng NK chủ yếu của Việt nam từ các nước ASEAN



Các nước ASEAN đầu tư vào VN 7/2013

TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)	Vốn điều lệ (Triệu USD)
1	Singapore	1181	28,623.32	7,392.18
8	Malaysia	445	10,219.29	3,598.44
10	Thái Lan	314	6,393.32	2,766.70
12	Brunei	136	4,828.73	1,003.59
29	Philippines	64	284.60	139.42
28	Indonesia	36	300.22	140.02
46	Lào	8	66.75	11.96
50	Campuchia	12	53.62	21.10
	Tổng ASEANs đầu tư vào VN	2196	50,769.85	15,052.31
Tổng 101 nước đầu tư vào VN		15,180	220,278.48	76,355.66

Dự án đầu tư của Việt nam vào các nước ASEANS (12.2012)

TT	Quốc gia/vùng lãnh thổ	Số dự án	Tổng vốn của các DÁ	Vốn đầu tư của nhà đầu tư VN (USD)	Vốn điều lệ của nhà đầu tư VN (USD)
1	Lào	227	4,994,334,586	4,206,754,894	3,997,560,877
2	Campuchia	129	2,924,868,170	2,739,121,040	2,680,135,740
6	Malaysia	9	812,622,740	412,923,844	412,923,844
12	Singapore	46	1,022,967,701	156,448,192	129,855,105
21	Indonesia	7	106,710,000	50,066,500	50,066,500
8	Myanmar	8	348,083,473	332,482,716	332,482,716
28	Thái Lan	8	12,035,200	11,837,700	11,837,700
59	Tổng số	742	33,485,026,751	15,532,096,541	12,518,188,840

LOGO

HÃY ĐẶT CÂU HỎI

